

**ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP HCM
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC**

Số:/BVĐHYD-QTTN

V/v mời chào giá

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2025

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm Cung cấp thiết bị vệ sinh và vật tư cấp thoát nước theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp thiết bị vệ sinh và vật tư cấp thoát nước.
2. Phạm vi cung cấp: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian cung cấp hàng hóa: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.
4. Loại hợp đồng: Trọn gói.
5. Địa điểm thực hiện: 215 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: Tối thiểu 06 tháng.
7. Yêu cầu về giá chào: Giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của Chủ đầu tư.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: Trước 16 giờ, ngày 04/11/2025
9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:
 - Gửi báo giá online qua website: <https://bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31>;
 - Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Quản trị tòa nhà, Hàm 2, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, TP. Hồ Chí Minh.

Người liên hệ: Nguyễn Ngọc Vĩnh

Số điện thoại: 028 39525150

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
- Tài liệu kỹ thuật hàng hóa.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, QTTN (J17-230-phtrinh).

**TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG QUẢN TRỊ TÒA NHÀ**

Nguyễn Anh Tuấn

Nguyễn Anh Tuấn



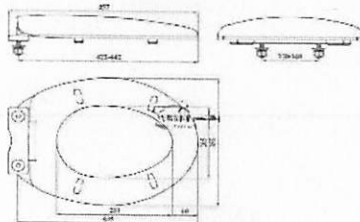
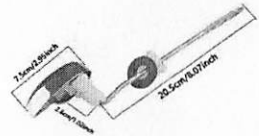
BM:CVĐT.01(1)

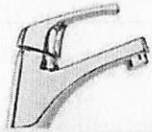
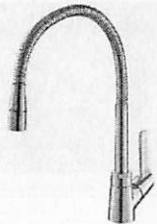
PHỤ LỤC. PHẠM VI CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT
(Đính kèm Công văn số ... /BVĐHYD-QTTN ngày tháng năm 2025)

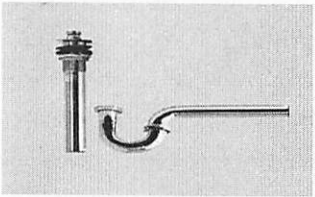
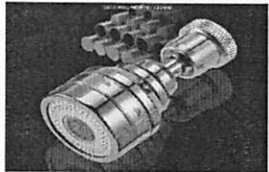
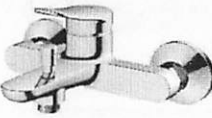
I. Phạm vi cung cấp

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Hình ảnh minh họa
1	Bồn cầu 2 khối Kích thước (dài x rộng x cao): 710 x 380 x 718 mm	- Vật liệu: Men chống bám bẩn - Màu sắc: Trắng - Tâm xả: 305 mm - Loại xả: Nút nhấn - Lượng nước sử dụng: 4.5/3.0 lít - Kích thước (dài x rộng x cao): 710 x 380 x 718 mm - Đường kính ống thải: 60 mm - Bồn cầu 2 khối, đồng bộ bao gồm: Nắp đóng êm, kết nước, thân cầu, bích nối sàn, van dừng và dây cấp - Tương đương mã TOTO CS326DT10 kết hợp nắp đóng êm TC395VS	Cái	30	
2	Bồn cầu 2 khối Kích thước (dài x rộng x cao): 700 x 395 x 747 mm	- Vật liệu: Men chống bám bẩn - Màu sắc: Trắng - Tâm xả: 305 mm - Loại xả: Nút nhấn - Lượng nước sử dụng: 4.5/3.0 lít - Kích thước (dài x rộng x cao): 700 x 395 x 747 mm - Đường kính ống thải: 63 mm - Bồn cầu 2 khối, đồng bộ bao gồm: Nắp đóng êm, kết nước, thân cầu, dây cấp, van dừng. - Tương đương mã TOTO CS769DRT8	Cái	16	

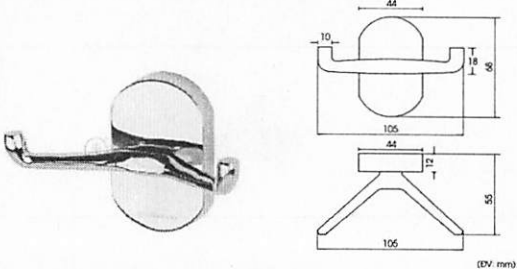
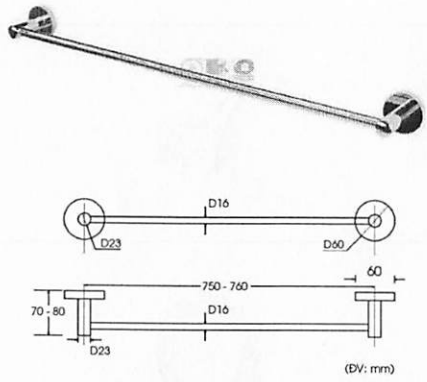


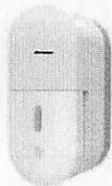
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Hình ảnh minh họa
3	Nắp và bệ ngồi bồn cầu (Bồn cầu Flush)	- Vật liệu: Nhựa - Màu sắc: Trắng - Loại: Nắp đóng êm - Kích thước (dài x rộng x cao): 495 x 361 x 83 mm - Khoảng cách tâm ốc: 140 mm - Kích thước lỗ (dài x rộng): 297 x 201 mm - Tương đương mã TOTO TC393VS	Cái	37	
4	Nắp bồn cầu	- Vật liệu: Nhựa - Màu sắc: Trắng - Loại: Nắp đóng êm - Kích thước tim ốc đến đầu nắp: 422 - 442 mm - Kích thước chiều rộng nắp bệ ngồi: 355 mm - Kích thước lỗ nắp bệ ngồi: 281 x 205 mm - Phù hợp lắp cho bồn cầu American VF-2321	Cái	53	
5	Tay (Cần) gạt bồn cầu	- Vật liệu: Đồng, ABS, hợp kim kẽm - Kiểu: Gạt ngang, lắp phía trước kết nước - Kích thước: 20,5 x 7,5 x 2,6 cm (8,07 x 2,95 x 1,02 inch) - Phù hợp lắp cho bồn cầu 2 khối VF-2321 hãng American Standard	Cái	75	
6	Chậu rửa mặt lavabo chân lửng (Chậu chân lửng)	- Vật liệu: Sứ - Màu sắc: Trắng - Kích thước (dài x rộng x cao): 465 x 530 x 535 mm - Kèm chân chậu lửng đồng bộ	Bộ	14	

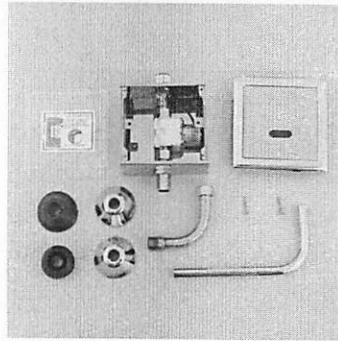
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Hình ảnh minh họa
7	Chậu rửa đặt bàn	- Vật liệu: Sứ - Màu sắc: Trắng - Kích thước (dài x rộng x cao): 520 mm x 445 mm x 195 mm - Tương đương mã American VF-0476	Bộ	8	
8	Vòi lạnh lavabo/Vòi chậu (Vòi chậu rửa mặt lạnh)	- Vật liệu: Đồng mạ Ni-Cr - Kiểu loại: 1 chế độ nước lạnh, tay gạt đơn, gạt gù - Kích thước: ≥ 113 mm - Khoảng cách từ tim thân vòi đến tim đầu vòi: ≥ 112 mm - Đầu vòi cấp nước nghiêng: $\geq 20^\circ$ - Kết nối: Răng tiêu chuẩn $\varnothing 21$ mm (G1/2) - Lượng xả nước: 5,0 L/phút - Bộ sản phẩm bao gồm: Thân vòi, gioăng, đai ốc	Cái	100	
9	Vòi chậu rửa (cổ cao cần mềm)/Vòi rửa chén lạnh)	- Vật liệu: Đồng, mạ Crom/Ni - Kiểu loại: 1 chế độ nước lạnh, 2 chế độ phun, vòi cần mềm, tay gạt, đóng mở 90° - Kích thước (Cao): 371 mm - Khoảng cách từ tim thân vòi đến tim đầu vòi: 230 mm - Kết nối: Răng tiêu chuẩn $\varnothing 21$ mm (G1/2)	Cái	14	
10	Vòi chậu rửa (cổ cao)/Vòi rửa chén lạnh	- Vật liệu: Đồng, mạ Crom/Ni - Kiểu tay gạt, đóng mở 90° - Kích thước: Cao ≥ 340 mm (bao gồm kích thước ren ngoài; độ dài gen 43 mm, G1/2) - Khoảng cách từ tim thân đến tim đầu vòi: ≥ 200 mm - Đầu vòi cấp nước nghiêng $\geq 13^\circ$	Cái	14	

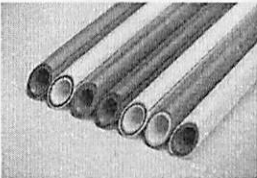
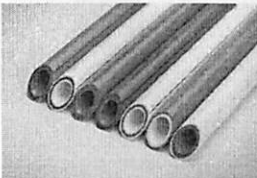
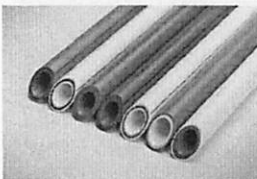
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Hình ảnh minh họa
11	Bộ xả (Ống thải chữ P + ống xả chậu có chặn nước)	- Vật liệu: Đồng mạ Niken-Crom - Bao gồm: + Ống thải chữ P: 285 mm + Ống xả chậu có chặn nước: Đường kính ống 54 mm, chiều dài 220 mm - Tương đương mã Inax A-675PV + Inax A-016V	Bộ	100	
12	Đầu vòi rửa (Đầu vòi xả nước)	- Vật liệu: Lõi đồng thau, vỏ mạ inox 304/Chrome - Kích thước: Đường kính 39 mm - Có 3 chế độ nước và xoay 360° - Kiểu kết nối: Ren 21 mm (/G1/2"; R1/2")	Cái	40	
13	Tay gạt của van cấp nước (Flush)	- Phù hợp lắp cho bộ van cấp nước SLOAN mã Gem-2 (Flushometer) - Tương đương mã SLOAN G - 143	Cái	30	
14	Mắt cảm biến cho vòi nước cảm ứng	- Cảm biến: Hồng ngoại - Khoảng cách cảm biến: 10 - 15 cm - Nguồn điện: 6VDC - Phù hợp lắp cho vòi nước cảm ứng mã TP - 20935 hãng TPPRO	Cái	20	
15	Van sen vòi nóng lạnh	- Vật liệu: Đồng mạ Ni - Cr - Kiểu loại: Nóng và lạnh. Tay gạt đơn - Góc đóng - mở tay gạt đơn: $\geq 22^\circ$ - Khoảng cách ống chờ nóng, lạnh: 150 ± 16 - Áp lực tối đa: ≥ 1.0 Mpa	Bộ	13	

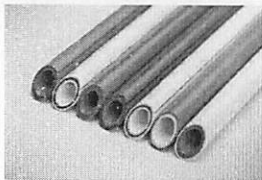
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Hình ảnh minh họa
16	Bát sen (Bát sen cầm tay)	- Vật liệu: Nhựa ABS mạ Nikel Chrome - Kiểu loại: Dáng tròn, 5 chế độ - Kích thước: Đường kính 103 mm - Phụ kiện: Tay sen có van định lưu, dây sen, gác sen. - Tương đương mã TOTO TBW03002B	Bộ	62	
17	Vòi xịt vệ sinh	- Thân vòi xịt mạ Ni-Cr - Vật liệu lõi van: Nhựa POM - Bao gồm: Vòi xịt, giá treo, tấm lọc, dây vòi xịt thép không gỉ SUS304, xoay 360°	Bộ	79	
18	Vòi (đơn) gắn tường	- Vật liệu: Đồng thau mạ Crom. Lõi van gốm ceramic - Kiểu loại: Một đường nước lạnh, tay gạt, lắp tường - Kiểu kết nối: Ren 21 mm (R1/2") - Kích thước từ tâm vòi đến mặt tường: 110 mm - Đầu vòi: Nghiêng góc 5°	Cái	10	
19	Hố ga thoát sàn loại 150 x 150 mm, D60	- Vật liệu: Inox 304 (inox SUS 304) dày ≥ 1.5 mm - Kích thước: 150 x 150 mm - Sử dụng ống 60 mm	Cái	23	
20	Hố ga thoát sàn loại 120 x 120 mm, D60	- Vật liệu: Inox 304 (inox SUS 304) dày ≥ 1.5 mm - Kích thước: 120 x 120 mm - Sử dụng ống 60 mm	Cái	18	

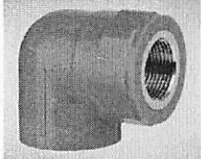
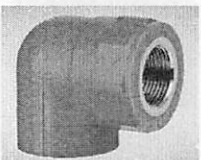
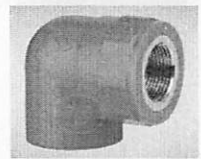
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Hình ảnh minh họa
21	Móc đôi inox SUS304 (loại 2 móc/chấu)	- Vật liệu: Thép không gỉ SUS304 (inox SUS-304 100%) - Khoảng cách 2 móc: 100-105 mm - Khoảng cách từ chân đế đến móc: 50-55 mm - Kích thước chân đế: 68-70 x 44-48 mm - Kích thước móc: $\geq \varnothing 10$ mm, cao 18 mm - Trọng lượng tổng: 197 gram (± 3 gram) - Mô tả: Móc được đúc từ inox nguyên khối	Cái	90	
22	Thanh treo khăn/ Vắt khăn đơn/ Máng khăn đơn	- Vật liệu: Thép không gỉ SUS304 (inox SUS-304) - Chiều dài thanh vắt khăn: 750-760 mm - Đường kính thanh vắt khăn: $\varnothing 16$ mm (± 3 mm) - Kích thước chân đế: + Đường kính: $\varnothing 23$ mm và $\varnothing 60$ mm (± 3 mm) + Chiều cao: 70-80 mm - Trọng lượng tổng: 612 gram (± 3 gram) - Mô tả: + Thanh đơn. Chân đế bịt đầu thanh vắt khăn + Phần chân đế đúc nguyên khối + Có thể thay đổi khoảng cách lắp chân đế	Cái	70	
23	Kệ kính	- Kích thước gia công (Dài x rộng x cao): 400 x 120 x 10 mm - Vật liệu: Kính cường lực - Cạnh mài nhẵn, bo tròn - Bao gồm: Bát, kẹp và ốc vít bằng thép không gỉ 304 (Inox 304)	Cái	32	

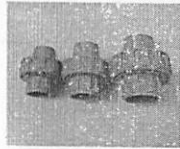
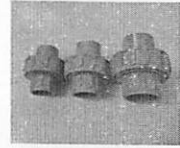
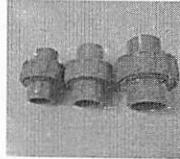
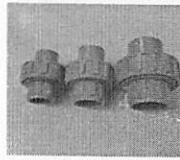
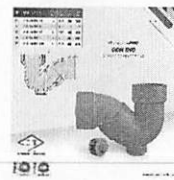
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Hình ảnh minh họa
24	Hộp nhấn xả phòng (nút ấn)	- Vật liệu: Nhựa ABS, màu trắng - Dung tích: 1000 ml (1.0 lít) - Kích thước (Sâu x rộng x cao): 100 x 100 x 230 mm - Lượng nhấn xả phòng trung bình/lần: 0.7 - 1.8 ml	Cái	58	
25	Hộp nhấn xả phòng (nút ấn)	- Vật liệu: Nhựa ABS, màu trắng - Dung tích: 500 ml (0.5 ml) - Kích thước (sâu x rộng x cao): 85 x 110 x 143 mm - Lượng nhấn xả phòng trung bình/lần: 0.7 - 1.8 ml	Cái	162	
26	Dây cấp nước 50 cm	- Vật liệu: + Ống (dây): PVC/TPE/SILICON/EPDM + Vỏ bọc (Chỉ): Thép không gỉ 304 (SUS304) và đồng + Lõi: Đồng + Khớp nối: Đồng - Mạ: Niken/Chrome - Chiều dài: 50cm - Kích thước ren: G1/2	Sợi	240	
27	Công tắc	- Vật liệu: Nhựa ABS, nhựa PC - Điện áp định mức: 220 - 240V - Kiểu loại: Nút nhấn mở cửa - Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: IEC	Cái	5	

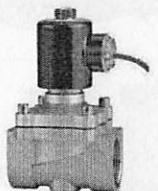
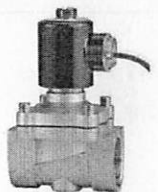
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Hình ảnh minh họa
28	Bộ van xả tiêu cảm ứng âm tường	- Vật liệu: Đồng thau mạ Crom - Chỉ số chống nước, kháng bụi: $\geq$ IP65 - Khoảng cách cảm ứng: 400 - 700 mm - Kích thước: 130 x 130 mm - Chức năng: 2 lần xả - Lưu lượng xả: 2 - 4 lít/ phút - Kiểu loại: Âm tường, đầu cấp và đầu xả thẳng hàng - Sử dụng nguồn: 220 VAC - Tương đương mã Broda 0458	Bộ	7	
29	Ống nhựa PVC loại 21 x 1.7 (mm)	- Vật liệu: PVC - Kích thước danh nghĩa (DN): 21 mm, dài 4.0 mét/cây - Bề dày danh nghĩa: $\geq$ 1.7 mm	Cây	5	
30	Ống nhựa PVC loại 27 x 1.9 (mm)	- Vật liệu: PVC - Kích thước danh nghĩa (DN): 27 mm, dài 4.0 mét/cây - Bề dày danh nghĩa: $\geq$ 1.9 mm	Cây	8	
31	Ống nhựa PVC loại 34 x 2.2 (mm)	- Vật liệu: PVC - Kích thước danh nghĩa (DN): 34 mm, dài 4.0 mét/cây - Bề dày danh nghĩa: $\geq$ 2.2 mm	Cây	3	
32	Ống nhựa PVC loại 42 x 2.2 (mm)	- Vật liệu: PVC - Kích thước danh nghĩa (DN): 42 mm, dài 4.0 mét/cây - Bề dày danh nghĩa: $\geq$ 2.2 mm	Cây	8	

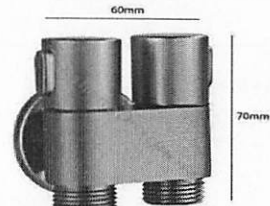
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Hình ảnh minh họa
33	Ống nhựa PVC loại 60 x 2.5 (mm)	- Vật liệu: PVC - Kích thước danh nghĩa (DN): 60 mm, dài 4.0 mét/cây - Bề dày danh nghĩa: ≥ 2.5 mm	Cây	5	
34	Ống nhựa PVC loại 90 x 3.5 (mm)	- Vật liệu: PVC - Kích thước danh nghĩa (DN): 90 mm, dài 4.0 mét/cây - Bề dày danh nghĩa: ≥ 3.5 mm	Cây	3	
35	Ống nhựa PVC loại 114 x 4.5 (mm)	- Vật liệu: PVC - Kích thước danh nghĩa (DN): 114 mm, dài 4.0 mét/cây - Bề dày danh nghĩa: ≥ 4.5 mm	Cây	3	
36	Ống nhựa PP-R loại 20 x 3.4 (mm)	- Vật liệu: PP-R - Kích thước danh nghĩa: 20 mm, dài 4.0 mét/cây - Bề dày danh nghĩa: ≥ 3.4 mm	Cây	3	
37	Ống nhựa PP-R loại 25 x 4.2 (mm)	- Vật liệu: PP-R - Kích thước danh nghĩa: 25 mm, dài 4.0 mét/cây - Bề dày danh nghĩa: ≥ 4.2 mm	Cây	10	
38	Ống nhựa PP-R loại 32 x 5.4 (mm)	- Vật liệu: PP-R - Kích thước danh nghĩa: 32 mm, dài 4.0 mét/cây - Bề dày danh nghĩa: ≥ 5.4 mm	Cây	3	

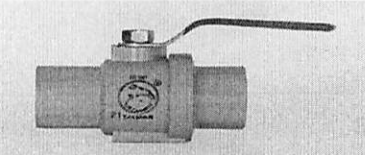
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Hình ảnh minh họa
39	Ống nhựa PP-R loại 40 x 6.7 (mm)	- Vật liệu: PP-R - Kích thước danh nghĩa: 40 mm, dài 4.0 mét/cây - Bề dày danh nghĩa: ≥ 6.7 mm	Cây	8	
40	Co 90°, chữ T, lới 45° nhựa PVC loại 21 (mm)	- Vật liệu: PVC - Kích thước: 21 mm - Áp suất danh nghĩa (PN): ≥ 15 bar - Thành phần gồm: 3 loại, 10 cái/loại	Cái	30	
41	Co 90°, chữ T, lới 45° nhựa PVC loại 27 (mm)	- Vật liệu: PVC - Kích thước: 27 mm - Áp suất danh nghĩa (PN): ≥ 15 bar - Thành phần gồm: 3 loại, 10 cái/loại	Cái	30	
42	Co 90°, chữ T, lới 45° nhựa PVC loại 34 (mm)	- Vật liệu: PVC - Kích thước: 34 mm - Áp suất danh nghĩa (PN): ≥ 15 bar - Thành phần gồm: 3 loại, 10 cái/loại	Cái	30	
43	Co 90°, chữ T, lới 45° nhựa PVC loại 42 (mm)	- Vật liệu: PVC - Kích thước: 42 mm - Áp suất danh nghĩa (PN): ≥ 12 bar - Thành phần gồm: 3 loại, 10 cái/loại	Cái	30	
44	Co 90°, chữ T, lới 45° nhựa PVC loại 60 (mm)	- Vật liệu: PVC - Kích thước: 60 mm - Áp suất danh nghĩa (PN): ≥ 12 bar - Thành phần gồm: 3 loại, 10 cái/loại	Cái	30	

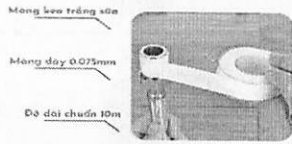
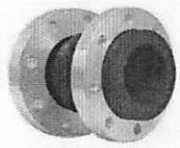
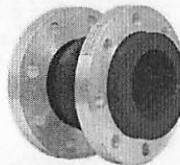
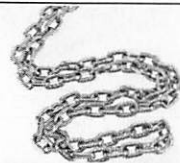
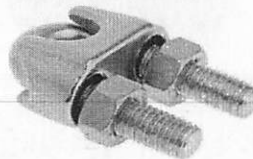
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Hình ảnh minh họa
45	Co 90°, chữ T, lõi 45° nhựa PVC loại 90 (mm)	- Vật liệu: PVC - Kích thước: 90 mm - Áp suất danh nghĩa (PN): ≥ 12 bar - Thành phần gồm: 3 loại, 10 cái/loại	Cái	30	
46	Co 90°, chữ T, lõi 45° nhựa PVC loại 114 (mm)	- Vật liệu: PVC - Kích thước: 114 mm - Áp suất danh nghĩa (PN): ≥ 12 bar - Thành phần gồm: 3 loại, 10 cái/loại	Cái	30	
47	Co 90° ren trong nhựa PP-R loại 20 x 1/2 (mm x inch)	- Vật liệu: Nhựa PP-R - Kích thước danh nghĩa (DN): 20 x 1/2 (mm x inch) - Áp suất danh nghĩa (PN): ≥ 20 bar	Cái	5	
48	Co 90° ren trong nhựa PP-R loại 25 x 1/2 (mm x inch)	- Vật liệu: PP-R - Kích thước danh nghĩa (DN): 25 x 1/2 (mm x inch) - Áp suất danh nghĩa (PN): ≥ 20 bar	Cái	7	
49	Co 90° ren trong nhựa PP-R loại 32 x 1 (mm x inch)	- Vật liệu: PP-R - Kích thước danh nghĩa (DN): 32 x 1 (mm x inch) - Áp suất danh nghĩa (PN): ≥ 20 bar	Cái	5	

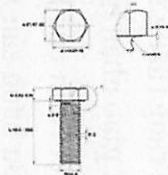
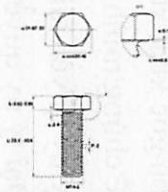
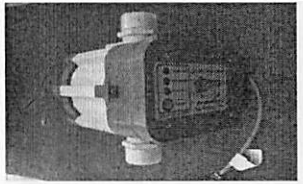
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Hình ảnh minh họa
50	Bộ khớp nối sống nhựa PVC loại 21 (mm)	- Vật liệu: PVC - Kích thước danh nghĩa (DN): 21 mm - Áp suất danh nghĩa (PN): ≥ 15 bar	Cái	5	
51	Bộ khớp nối sống nhựa PVC loại 60 (mm)	- Vật liệu: PVC - Kích thước danh nghĩa (DN): 60 mm - Áp suất danh nghĩa (PN): ≥ 12 bar	Cái	5	
52	Bộ khớp nối sống nhựa PVC loại 90 (mm)	- Vật liệu: PVC - Kích thước danh nghĩa (DN): 90 mm - Áp suất danh nghĩa (PN): ≥ 12 bar	Cái	3	
53	Bộ khớp nối sống nhựa PVC loại 114 (mm)	- Vật liệu: PVC - Kích thước danh nghĩa (DN): 114 mm - Áp suất danh nghĩa (PN): ≥ 9 bar	Cái	3	
54	Con thỏ (Thân co chữ S ren trong) nhựa uPVC loại 42 mm	- Vật liệu: uPVC - Kích thước/ Quy cách: Ø42 - PN (bar): ≥ 10 - Bộ bao gồm: Thân, co và bu lông	Bộ	5	
55	Con thỏ (Thân co chữ S ren trong) nhựa uPVC loại 49 mm	- Vật liệu: uPVC - Kích thước/ Quy cách: Ø49 - PN (bar): ≥ 10 - Bộ bao gồm: Thân, co và bu lông	Bộ	8	

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Hình ảnh minh họa
56	Con thỏ (Thân co chữ S ren trong) nhựa uPVC loại 60 mm	- Vật liệu: uPVC - Kích thước/ Quy cách: Ø60 - PN (bar): ≥ 8 - Bộ bao gồm: Thân, co và bu lông	Bộ	21	
57	Van điện từ loại DN15/ 1/2"/ Ø21 mm	- Kích thước: DN15/ 1/2"/ Ø21 mm - Vật liệu: Dây đồng. Lò xo, thân thép không gỉ - Kiểu kết nối: Bắt ren - Nguồn điện: DC24V (± 1) - Áp suất nước: $\geq 0.5 - 10$ bar - Chỉ số chống nước, kháng bụi: $\geq IP65$ - Loại van: Thường đóng	Cái	8	
58	Van điện từ DN20/ 3/4"/ Ø27 mm	- Kích thước: DN20/ 3/4"/ Ø27 mm - Vật liệu: Dây đồng. Lò xo, thân thép không gỉ - Kiểu kết nối: Bắt ren - Nguồn điện: DC24V (± 1) - Áp suất nước: $\geq 0.5 - 10$ bar - Chỉ số chống nước, kháng bụi: $\geq IP65$ - Loại van: Thường đóng	Cái	8	
59	Van điện từ DN25/ 1"/ Ø34 mm	- Kích thước: DN25/ 1"/ Ø34 mm - Vật liệu: Dây đồng. Lò xo, thân thép không gỉ - Kiểu kết nối: Bắt ren - Nguồn điện: DC24V (± 1) - Áp suất nước: $\geq 0.5 - 10$ bar - Chỉ số chống nước, kháng bụi: $\geq IP65$ - Loại van: Thường đóng	Cái	5	

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Hình ảnh minh họa
60	Van cổng (Gate valve) DN20, 2 đầu ren	- Vật liệu: Thân, ty, nắp van thép không gỉ 304 (Inox 304) - Kích thước: DN20 - Kiểu nối: Lắp ren trong - Loại: Tay vặn - Áp lực làm việc: PN16	Cái	10	
61	Van cổng (Gate valve) DN32, 2 đầu ren	- Vật liệu: Thân, ty, nắp van thép không gỉ 304 (Inox 304) - Kích thước: DN32 - Kiểu nối: Lắp ren trong - Loại: Tay vặn - Áp lực làm việc: PN16	Cái	2	
62	Van nước chữ H (Van nước lắp góc hẹp 2 đường)	- Vật liệu: Thép không gỉ 304 (Inox 304)/ Đồng thau - Màu sắc: Xám - Kiểu nối: Lắp ren 21 mm - Kiểu loại: 2 cổng ra, 2 tay vặn riêng biệt, lắp cách tường khoảng 5 - 7 cm	Cái	65	
63	Van 1 chiều DN50	- Kích thước (Dài x rộng): 203 mm x 165 mm - Kích thước đường kính: DN50 - Áp suất định mức: PN16	Cái	3	
64	Van 1 chiều DN65	- Kích thước (Dài x rộng): 216 mm x 185 mm - Kích thước đường kính: DN65 - Áp suất định mức: PN16	Cái	4	

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Hình ảnh minh họa
65	Van 1 chiều DN80	- Kích thước (Dài x rộng): 241 mm x 200 mm - Kích thước đường kính: DN80 - Áp suất định mức: PN16	Cái	3	
66	Van cầu nhựa PVC trơn, loại Ø21	- Vật liệu: PVC, tay gạt thép không gỉ/Inox 304, cầu mạ inox (bi) - Kích thước: Ø21	Cái	10	
67	Van cầu nhựa PVC trơn, loại Ø60	- Vật liệu: PVC, tay gạt thép không gỉ/Inox 304, cầu mạ inox (bi) - Kích thước: Ø60	Cái	10	
68	Van cầu nhựa PVC trơn, loại Ø90	- Vật liệu: PVC, tay gạt thép không gỉ/Inox 304, cầu mạ inox (bi) - Kích thước: Ø90	Cái	5	
69	Rọ bơm lá lật DN65(2-1/2")	- Vật liệu: UPVC - Kích thước: DN65(2-1/2") - Áp suất làm việc: $\geq 150\text{PSI}$	Cái	3	
70	Rọ bơm lá lật DN80(3")	- Vật liệu: UPVC - Kích thước: DN80(3") - Áp suất làm việc: $\geq 150\text{PSI}$	Cái	5	
71	Bộ bích nối đơn loại 90 mm	- Vật liệu: PVC - Kích thước danh nghĩa (DN): 90 mm - Áp suất danh nghĩa (PN): $\geq 12\text{ bar}$ - Bao gồm: Gioăng bích đơn	Cái	10	

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Hình ảnh minh họa
72	Keo dán ống nhựa PVC (không mùi)	- Mô tả: Không gây mùi khó chịu - Trọng lượng: ≥ 200 gram/ hộp	Hộp	3	
73	Băng keo lụa (Cao su non)	Quy cách 1 cuộn (dày x rộng x dài): 0,075 mm x 12 mm x 10 m	Cuộn	175	
74	Khớp nối cao su chống rung loại Ø60 (DN50)	- Kích thước danh nghĩa: DN50 (mm) - Mặt bích: Thép cacbon - Thân: Cao su phen cực - Khung chịu lực: Dây thép - Áp suất danh nghĩa: PN16	Cái	3	
75	Khớp nối cao su chống rung loại Ø76 (DN65)	- Kích thước danh nghĩa: DN65 (mm) - Mặt bích: Thép cacbon - Thân: Cao su phen cực - Khung chịu lực: Dây thép - Áp suất danh nghĩa: PN16	Cái	3	
76	Dây xích 6 mm thép không gỉ 304 (Inox 304)	- Vật liệu: Thép không gỉ 304 (Inox 304) - Đường kính: Ø6 mm	Mét	50	
77	Ốc siết cáp 6 mm thép không gỉ 304 (Inox 304)	- Vật liệu: Thép không gỉ 304 (Inox 304) - Đường kính: Ø6 mm - Bao gồm: Phần thân, phần đầu và đai ốc	Cái	20	

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Hình ảnh minh họa
78	Bu lông loại M14 x 80 mm thép không gỉ 304 (Inox 304)	- Vật liệu: Thép không gỉ (Inox 304) - Đường kính thân ren: 14 mm (M14) - Chiều dài thân ren: 79 - 81 mm - Bộ gồm: Tán inox 304 M14 + 02 lông đèn vênh inox 304 M14	Bộ	100	
79	Bu lông loại M14 x 50 mm thép không gỉ 304 (Inox 304)	- Vật liệu: Thép không gỉ (Inox 304) - Đường kính thân ren: 14 mm (M14) - Chiều dài thân ren: 49 - 51 mm - Bộ gồm: Tán inox 304 M14 + 02 lông đèn vênh inox 304 M14	Bộ	32	
80	Van bướm tay gạt (Có khóa định vị)	- Kích thước (Size): 80 mm - Vật liệu thân van, đĩa van: Thép không gỉ - Áp suất làm việc: 16 bar	Cái	4	
81	Role điện tử tự động báo cạn	- Nguồn điện: 220V/ 50Hz - Dòng tối đa: 10 A - Áp lực tối đa: 10 bar - Công suất tối đa: 1.1 kw - Kết nối: Ren ngoài G1", đầu vào và ra thẳng hàng	Cái	2	

II. Yêu cầu kỹ thuật:

1. Yêu cầu về kỹ thuật chung:

- Hàng hóa chào thầu phải mới 100%.
- Đóng gói đúng tiêu chuẩn nhà sản xuất.
- Nhà thầu cam kết hàng hóa phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng (hãng sản xuất, nước sản xuất, năm sản xuất). Cung cấp tài liệu để chứng minh khi giao nhận hàng hoá.
- Nhà thầu phải có giấy chứng nhận đại lý ủy quyền tại Việt Nam của hãng sản xuất hoặc giấy phép bán hàng từ hãng sản xuất/ Đại lý ủy quyền của hãng sản xuất.
- Hàng hóa luôn có sẵn để đáp ứng việc cung cấp, đổi trả và bảo hành trong vòng 24 tiếng kể từ lúc nhận được thông báo của Chủ đầu tư.

2. Yêu cầu về bảo hành

- Bảo hành tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hoặc căn cứ theo thời hạn bảo hành của nhà sản xuất (nếu thời hạn bảo hành dài hơn 12 tháng).

3. Yêu cầu lắp đặt:

- a. Số lượng lắp đặt theo Bảng 02 của Mục 4. Tiến độ giao hàng và lắp đặt.
- b. Chuẩn bị đầy đủ vật tư phụ để hoàn thiện các mục hàng hóa đã cung cấp.
- c. Lắp đặt đúng hướng dẫn, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của nhà sản xuất, đáp ứng an toàn khi đưa vào sử dụng.
- d. Nhà thầu phải chuẩn bị các thiết bị liên quan để thực hiện việc lắp đặt đáp ứng yêu cầu an toàn và chất lượng công việc.
- e. Nhân sự trang bị đầy đủ công cụ, dụng cụ làm việc, đồng phục công ty, bảng tên, phương tiện bảo hộ lao động, tác phong làm việc lịch sự trong Bệnh viện. Nhà thầu thực hiện công việc dưới sự giám sát, hướng dẫn của nhân viên Bệnh viện. Nếu vi phạm, nhân sự phải lập tức rời khỏi Bệnh viện, không được tiếp tục công việc tại Bệnh viện và nhà thầu phải bổ sung nhân sự thay thế.
- f. Trước khi thực hiện lắp đặt, Nhà thầu phải:
 - + Thực hiện che chắn bảo vệ tài sản, tránh bụi bẩn làm ảnh hưởng đến các khu vực khác.
 - + Kiểm tra tình trạng các thiết bị, trần, tường, toàn bộ cơ sở vật chất xung quanh khu vực thi công.
 - + Báo cáo tình trạng thiết bị và hư hỏng (nếu có) cho nhân viên Bệnh viện xác nhận.
 - + Tháo gỡ các thiết bị cần thay thế.
- g. Sau khi hoàn thành lắp đặt, Nhà thầu phải:
 - + Hoàn thiện các hạng mục đã lắp đặt và trần, tường, cơ sở vật chất xung quanh khu vực thực hiện theo yêu cầu của Bệnh viện.
 - + Dọn dẹp, vệ sinh sạch sẽ khu vực thực hiện.



+ Kiểm tra, vận hành thiết bị và bàn giao cho nhân viên Bệnh viện.

h. Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí thay thế, khắc phục, sửa chữa những hư hỏng do nhà thầu gây ra và những hư hỏng do trước đó nhà thầu không báo cáo. Trường hợp xử lý sự cố trong thời gian bảo hành, nhà thầu phải bố trí nhân sự trong vòng 4 giờ kể từ lúc nhận thông báo qua điện thoại của Bệnh viện.

i. Nhà thầu phải lập kế hoạch chi tiết tiến độ thực hiện công việc và phương án cung cấp, lắp đặt phù hợp với điều kiện hoạt động của Bệnh viện.

j. Nhà thầu lắp đặt theo lịch sắp xếp của Bệnh viện (kể cả ngoài giờ hành chính, thứ 7, chủ nhật, ngày nghỉ, lễ).

k. Nhà thầu khảo sát thực tế tại Bệnh viện.

l. Nhà thầu chấp hành nghiêm tất cả các yêu cầu về an ninh, trật tự, an toàn vệ sinh lao động và phòng cháy chữa cháy trong quá trình làm việc tại Bệnh viện. Đồng thời chịu hoàn toàn trách nhiệm về tất cả các sự cố, tai nạn liên quan trong suốt quá trình thực hiện công việc (kể cả sự cố đối với bên thứ 3).

4. Tiến độ giao hàng và lắp đặt:

Bảng 02

STT	Danh mục	ĐVT	Tổng số lượng	ĐỢT 1		ĐỢT 2	
				Số lượng giao hàng	Số lượng lắp đặt	Số lượng giao hàng	Số lượng lắp đặt
1	Bồn cầu 2 khối Kích thước (dài x rộng x cao): 710 x 380 x 718 mm	Cái	30	15	15	15	15
2	Bồn cầu 2 khối Kích thước (dài x rộng x cao): 700 x 395 x 747 mm	Cái	16	10	10	6	6
3	Nắp và bộ ngồi bồn cầu (Bồn cầu Flush)	Cái	37	20		17	
4	Nắp bồn cầu	Cái	53	30		23	
5	Tay (Cần) gạt bồn cầu	Cái	75	75			
6	Chậu rửa mặt lavabo chân lửng (Chậu chân lửng)	Bộ	14	14	14		
7	Chậu rửa đặt bàn	Bộ	8	8	8		
8	Vòi lạnh lavabo/Vòi chậu (Vòi chậu rửa mặt lạnh)	Cái	100	100			
9	Vòi chậu rửa (cổ cao cần mềm)/Vòi rửa chén lạnh)	Cái	14	14			

STT	Danh mục	ĐVT	Tổng số lượng	ĐỢT 1		ĐỢT 2	
				Số lượng giao hàng	Số lượng lắp đặt	Số lượng giao hàng	Số lượng lắp đặt
10	Vòi chậu rửa (cổ cao)/Vòi rửa chén lạnh	Cái	14	14			
11	Bộ xả (Ổng thái chữ P + ống xả chậu có chặn nước)	Bộ	100	100			
12	Đầu vòi rửa (Đầu vòi xả nước)	Cái	40	20		20	
13	Tay gạt của van cấp nước (Flush)	Cái	30			30	
14	Mắt cảm biến cho vòi nước cảm ứng	Cái	20	20			
15	Van sen vòi nóng lạnh	Bộ	13	13			
16	Bát sen (Bát sen cầm tay)	Bộ	49	49			
17	Vòi xịt vệ sinh	Bộ	79	79			
18	Vòi (đơn) gắn tường	Cái	10	10			
19	Hố ga thoát sàn loại 150 x 150 mm, D60	Cái	23	23			
20	Hố ga thoát sàn loại 120 x 120 mm, D60	Cái	18	18			
21	Móc đôi inox SUS304 (loại 2 móc/chấu)	Cái	90	90			
22	Thanh treo khăn/ Vắt khăn đơn/ Máng khăn đơn	Cái	70	40		30	
23	Kệ kính	Cái	32	32			
24	Hộp nhấn xả phòng (nút ấn)	Cái	58	42		16	
25	Hộp nhấn xả phòng (nút ấn)	Cái	162	100		62	
26	Dây cấp nước 50 cm	Sợi	240	120		120	
27	Công tắc	Cái	5	5			
28	Bộ van xả tiêu cảm ứng âm tường	Bộ	7	7			

STT	Danh mục	ĐVT	Tổng số lượng	ĐỢT 1		ĐỢT 2	
				Số lượng giao hàng	Số lượng lắp đặt	Số lượng giao hàng	Số lượng lắp đặt
29	Ống nhựa PVC loại 21 x 1.7 (mm)	Cây	5	5			
30	Ống nhựa PVC loại 27 x 1.9 (mm)	Cây	8	8			
31	Ống nhựa PVC loại 34 x 2.2 (mm)	Cây	3	3			
32	Ống nhựa PVC loại 42 x 2.2 (mm)	Cây	8	8			
33	Ống nhựa PVC loại 60 x 2.5 (mm)	Cây	5	5			
34	Ống nhựa PVC loại 90 x 3.5 (mm)	Cây	3	3			
35	Ống nhựa PVC loại 114 x 4.5 (mm)	Cây	3	3			
36	Ống nhựa PP-R loại 20 x 3.4 (mm)	Cây	3	3			
37	Ống nhựa PP-R loại 25 x 4.2 (mm)	Cây	10	10			
38	Ống nhựa PP-R loại 32 x 5.4 (mm)	Cây	3	3			
39	Ống nhựa PP-R loại 40 x 6.7 (mm)	Cây	8	8			
40	Co 90°, chữ T, lới 45° nhựa PVC loại 21 (mm)	Cái	30	30			
41	Co 90°, chữ T, lới 45° nhựa PVC loại 27 (mm)	Cái	30	30			
42	Co 90°, chữ T, lới 45° nhựa PVC loại 34 (mm)	Cái	30	30		30	
43	Co 90°, chữ T, lới 45° nhựa PVC loại 42 (mm)	Cái	30	30			
44	Co 90°, chữ T, lới 45° nhựa PVC loại 60 (mm)	Cái	30	30			
45	Co 90°, chữ T, lới 45° nhựa PVC loại 90 (mm)	Cái	30	20		10	

STT	Danh mục	ĐVT	Tổng số lượng	ĐỢT 1		ĐỢT 2	
				Số lượng giao hàng	Số lượng lắp đặt	Số lượng giao hàng	Số lượng lắp đặt
46	Co 90°, chữ T, lới 45° nhựa PVC loại 114 (mm)	Cái	30	20		10	
47	Co 90° ren trong nhựa PP-R loại 20 x 1/2 (mm x inch)	Cái	5	5			
48	Co 90° ren trong nhựa PP-R loại 25 x 1/2 (mm x inch)	Cái	7	7			
49	Co 90° ren trong nhựa PP-R loại 32 x 1 (mm x inch)	Cái	5	5			
50	Bộ khớp nối sống nhựa PVC loại 21 (mm)	Cái	5	5			
51	Bộ khớp nối sống nhựa PVC loại 60 (mm)	Cái	5	5			
52	Bộ khớp nối sống nhựa PVC loại 90 (mm)	Cái	3	3			
53	Bộ khớp nối sống nhựa PVC loại 114 (mm)	Cái	3	3			
54	Con thỏ (Thân co chữ S ren trong) nhựa uPVC loại 42 mm	Bộ	5	5			
55	Con thỏ (Thân co chữ S ren trong) nhựa uPVC loại 49 mm	Bộ	8	8			
56	Con thỏ (Thân co chữ S ren trong) nhựa uPVC loại 60 mm	Bộ	21	21			
57	Van điện từ loại DN15/ 1/2"/ Ø21 mm	Cái	8	8			
58	Van điện từ DN20/ 3/4"/ Ø27 mm	Cái	8	8			
59	Van điện từ DN25/ 1"/ Ø34 mm	Cái	5	5			
60	Van cổng (Gate valve) DN20, 2 đầu ren	Cái	10	10			
61	Van cổng (Gate valve) DN32, 2 đầu ren	Cái	2	2			

STT	Danh mục	ĐVT	Tổng số lượng	ĐỢT 1		ĐỢT 2	
				Số lượng giao hàng	Số lượng lắp đặt	Số lượng giao hàng	Số lượng lắp đặt
62	Van nước chữ H (Van nước lắp góc hẹp 2 đường)	Cái	65	65			
63	Van 1 chiều DN50	Cái	3	3			
64	Van 1 chiều DN65	Cái	4	4			
65	Van 1 chiều DN80	Cái	3	3			
66	Van cầu nhựa PVC tron, loại Ø21	Cái	10	10			
67	Van cầu nhựa PVC tron, loại Ø60	Cái	10	5		5	
68	Van cầu nhựa PVC tron, loại Ø90	Cái	5	3		2	
69	Rọ bơm lá lật DN65(2-1/2")	Cái	3	3			
70	Rọ bơm lá lật DN80(3")	Cái	5	5			
71	Bộ bích nối đơn loại 90 mm	Cái	10	10			
72	Keo dán ống nhựa PVC (không mùi)	Hộp	3	3			
73	Băng keo lụa (Cao su non)	Cuộn	175	175			
74	Khớp nối cao su chống rung loại Ø60 (DN50)	Cái	3	3			
75	Khớp nối cao su chống rung loại Ø76 (DN65)	Cái	3	3			
76	Dây xích 6 mm thép không gỉ 304 (Inox 304)	Mét	50	50			
77	Ốc siết cáp 6 mm thép không gỉ 304 (Inox 304)	Cái	20	20			
78	Bu lông loại M14 x 80 mm thép không gỉ 304 (Inox 304)	Bộ	100	100			
79	Bu lông loại M14 x 50 mm thép không gỉ 304 (Inox 304)	Bộ	32	32			

STT	Danh mục	ĐVT	Tổng số lượng	ĐỢT 1		ĐỢT 2	
				Số lượng giao hàng	Số lượng lắp đặt	Số lượng giao hàng	Số lượng lắp đặt
80	Van bướm tay gạt (Có khóa định vị)	Cái	4	4			
81	Rơle điện tử tự động báo cạn	Cái	2	2			

Ghi chú:

Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực:

- Đợt 1:
 - + Giao hàng trong vòng 20 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
 - + Lắp đặt trong vòng 45 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Đợt 2:
 - + Giao hàng trong vòng 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
 - + Lắp đặt trong vòng 120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Đối với trường hợp đột xuất, Nhà thầu giao hàng trong vòng 02 ngày kể từ ngày có thông báo đặt hàng qua E-mail của Bệnh viện (không phụ thuộc số lượng hàng hóa).

5. Kiểm tra và thử nghiệm

- Kiểm tra hàng hóa: Tại thời điểm giao hàng
 - a. Thùng hàng/kiện hàng nguyên vẹn, phụ kiện đầy đủ như yêu cầu của E-HSMT.
 - b. Hàng hóa sạch sẽ - nguyên vẹn, không bị hư hỏng vật lý, không móp méo, thống nhất nội dung bao bì trong - ngoài. Tem/nhãn hàng hóa bình thường - không rách.
 - c. Đảm bảo đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, đúng xuất xứ theo đơn đặt hàng, phải có hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt.
 - d. Chủ đầu tư kiểm tra số lượng và tình trạng hàng hóa tại thời điểm giao nhận. Trường hợp nhận hàng nguyên đai, nguyên kiện khi nhập kho nếu phát hiện hàng hoá chưa đúng về số lượng, chất lượng, Chủ đầu tư sẽ lập biên bản và báo cho Nhà thầu để tiến hành kiểm tra và có biện pháp giải quyết. Nhà thầu chịu trách nhiệm bổ sung, thay thế, khắc phục, sửa chữa những hư hỏng, lỗi hàng hóa không tương thích, sai kiểu dáng, nhãn hàng, mã hàng,... Sau 3 ngày kể từ ngày nhận được thông báo mà Nhà thầu không có ý kiến thì xem như đã chấp nhận những thất thoát, hư hỏng theo biên bản đã thông báo.

- Thử nghiệm hàng hóa:

Hàng hóa lắp đặt sẽ được vận hành thử tối đa 05 ngày làm việc. Nếu hàng hóa không đạt qua yêu cầu kiểm tra, thử nghiệm thì Chủ đầu tư sẽ lập biên bản và thông báo cho nhà thầu để tiến hành kiểm tra và có biện pháp giải quyết. Sau 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, Nhà thầu không có ý kiến thì em như đã chấp nhận những nội dung theo biên bản đã thông báo.